

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp
chủ lực cấp tỉnh giai đoạn 2018 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1268/SNN&PTNT-KHTC ngày 19 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh giai đoạn 2018 - 2020 (đính kèm danh mục chi tiết).

Điều 2. Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh giai đoạn 2018 - 2020 này là cơ sở để xem xét, hỗ trợ các doanh nghiệp được hưởng các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: KTN, KTTH, HCTC;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Trần Anh Thư

DANH MỤC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC CẤP TỈNH

(Giai đoạn 2018 - 2020)

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh An Giang)

STT	Tên ngành hàng	Tên sản phẩm chủ lực	Chỉ số chung
1	Lúa - gạo	(1) Lúa, nếp chất lượng cao (2) Nếp Phú Tân (chuyên canh) (3) Lúa Jasmine (4) Lúa Nhật (Japonica) (5) Lúa Nàng nhen hữu cơ	- Diện tích: 80.000 ha, chiếm 32 % diện tích canh tác lúa, nếp toàn tỉnh. - Sản lượng: đạt trên 500 ngàn tấn/vụ. - 100% sản lượng lúa, nếp thu hoạch là lúa, nếp chất lượng cao, chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu. - Diện tích: 10.000 ha. - Diện tích: 20.000 ha. - Diện tích: 6.000 ha. - Diện tích: 250 ha.
2	Rau, màu	Rau, màu các loại	- Diện tích: 5.100 ha.
3	Cây ăn quả	(1) Xoài VietGAP (2) Chuối cây mô	- Diện tích: 500 ha. - Diện tích: 2.900 ha.
4	Gia súc	(1) Heo nuôi thịt (2) Heo cái làm giống (3) Bò sữa	- Xuất bán: 100.000 con/năm. - Xuất bán: 40.000 con/năm. - Tổng đàn: 5.000 con.
5	Gia cầm	(1) Trứng vịt	- Xuất bán: 360 triệu quả trứng/năm
6	Cá tra	(1) Cá tra thương phẩm (2) Cá tra giống chất lượng cao	- Diện tích nuôi: 1.000 ha, 90% diện tích nuôi có liên kết. - 90% cơ sở/vùng nuôi thương phẩm có địa điểm SX phù hợp với quy hoạch phát triển thủy sản của tỉnh. - 90% cơ sở/vùng nuôi thương phẩm phải đảm bảo đủ điều kiện ATTP theo quy định. - 60% doanh nghiệp chế biến thủy sản có vùng nuôi và gắn kết với các cơ sở nuôi theo chuỗi liên kết. - 90% cơ sở SX giống thủy sản đủ điều kiện sản xuất, cung cấp sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng. - Diện tích: 350 ha (diện tích ương toàn tỉnh 900 ha). - Sản lượng: 01 tỉ con giống.
7	Tôm càng xanh	Giống Tôm càng xanh	Sản lượng: 1 - 1,2 tỉ ấu trùng, 20 triệu con Postlarvae